TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v T/c hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Hồng Như, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Hồ Văn Thảo, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Ngô Cẩm T, sinh năm 1977, có mặt
- Ông Trần Ngọc H (U), sinh năm 1970, có mặt

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Ngô Cẩm T, là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 16/12/2022), có mặt

Bị đơn:

- Bà Trần Kim Q, sinh năm 1977, vắng mặt
- Ông Huỳnh Văn Th (chồng bà Q), sinh năm 1975, vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Trúc L, sinh năm 2000 (con ông Th, bà Q), vắng mặt

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Ngô Cẩm T trình bày:

Ngày 11/11/2020 âm lịch, bà Q, ông Th mượn tiền của bà, bà đồng ý nên hốt 01 chân hụi loại hụi 5.000.000 đồng/tháng để đưa tiền cho bà Q, ông Th. Hai bên thỏa thuận bà Q, ông Th sẽ đóng hụi chết cho đến khi kết thúc hụi với số tiền 95.000.000 đồng (19 chân hụi chết). Bà Q, ông Th có làm biên nhận. Bà Q, ông Th đóng được 11 tháng với số tiền 55.000.000 đồng, còn lại 08 tháng chưa đóng với số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 11/10/2022 âm lịch chân hụi này kết thúc, bà thực tế đã đóng 40.000.000 đồng tiền hụi chết. Nên bà yêu cầu bà Q, ông Th trả cho bà 40.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày kết thúc hụi là ngày 11/10/2022 âm lịch cho đến nay với mức lãi suất là 10%/năm.

Ngày 22/4/2021 âm lịch, bà Q, ông Th có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 6.000.000 đồng (4%/tháng). Bà Q, ông Th có viết giấy vay tiền. Ông Th, bà Q đóng lãi được 37.000.000 đồng. Sau đó không tiếp tục đóng lãi nữa và cũng không thanh toán tiền vốn vay. Nay bà yêu cầu ông Th, bà Q trả cho bà 150.000.000 đồng tiền vốn vay. Đối với tiền lãi, do mức thỏa thuận lãi vượt quy định pháp luật nên bà thống nhất đề nghị tính lãi từ ngày 22/4/2021 âm lịch cho đến nay theo mức lãi 20%/năm, sau đó đối trừ số tiền 37.000.000 đồng đã đóng lãi cho bà, còn lại bao nhiêu thì ông Th, bà Q phải tiếp tục thanh toán.

Ngày 04/11/2021 âm lịch, bà Q, ông Th có mượn của bà số tiền 52.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày trả 4.000.000 đồng cho đến khi dứt điểm. Bà Q, ông Th có làm biên nhận. Sau khi mượn được số tiền này thì ông Th, bà Q bỏ nhà đi làm ăn và không thanh toán cho bà. Nay bà yêu cầu ông Th, bà Q trả cho bà 52.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 10%/năm từ ngày 04/11/2021 âm lịch cho đến nay.

Tổng cộng, bà Q, ông Th còn nợ vợ chồng bà 242.000.000 đồng tiền vốn. Bà yêu cầu bà Q, ông Th thanh toán cho vợ chồng bà số tiền này cùng với tiền lãi như đã trình bày nêu trên.

03 biên nhận bà nộp cho Tòa án thì do ông Th, bà Q tự điền thông tin và ký tên, ghi tên. Đối với biên nhận ngày 04/11/2021 có chị L con ông Th, bà Q ghi "con Lam nhận tiền này gởi chả cho dì Tú 10 ngày 4 triệu".

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Do nguyên đơn xác định bị đơn đã đi khỏi địa phương từ ngày 04/11/2021 âm

lịch. Theo xác nhận của Công an xã cũng xác định bị đơn không có mặt tại địa phương khoảng 01 năm nay (tính từ thời điểm tháng 4 năm 2023). Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật dân sự đình chỉ đối với vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngô Cẩm T, ông Trần Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Trần Kim Q, ông Huỳnh Văn Th thanh toán tiền vay nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Q, ông Th có địa chỉ tại ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T, ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Q, ông Th, chị L đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 11/11/2020 âm lịch, ngày 22/4/2021 âm lịch và ngày 04/11/2021 âm lịch, bà Q, ông Th có vay và mượn tiền của bà T, ông H lần lượt là 95.000.000 đồng, 150.000.000 đồng và 52.000.000 đồng. Đối với số tiền 95.000.000 đồng bà Q, ông Th đã trả được 55.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng và 02 khoản tiền còn lại, tổng cộng là 242.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Bà T xác định ông Th, bà Q đã đóng lãi được cho bà đối với khoản vay 150.000.000 đồng là 37.000.000 đồng.

Việc bà Q, ông Th còn nợ tiền bà T, ông H là phù hợp với lời khai của người làm chứng tại vụ án. Mặc khác, bà Q, ông Th cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T mặc dù bà T xác định có nhiều lần liên hệ (bằng điện thoại) thông báo về việc sẽ khởi kiện ra Tòa án. Bà T xác định có gặp anh em của bà Q, ông Th và nhờ họ thông báo dùm bà Q, ông Th (trong đó có người cùng làm với bà Q, ông Th) để thanh toán tiền cho bà. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà Q, ông Th có biết việc bà T, ông H khởi kiện đối với mình.

Việc bà Q, ông Th không thanh toán tiền vay cho bà T, ông H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, ông H. Do đó, cần buộc bà Q, ông Th thanh toán cho bà T, ông H số tiền vốn vay còn nợ là 242.000.000 đồng.

[4] Về thỏa thuận lãi của khoản tiền vay và yêu cầu tính lãi của bà T: Do chấp nhận yêu cầu của bà T, ông H về việc yêu cầu bà Q, ông Th thanh toán tiền mượn và vay là 242.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi. Xét thấy, đối với khoản tiền vay 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 4%/tháng là vượt quá quy định pháp luật. Do đó, cần điều chỉnh cho phù hợp. Áp dụng mức lãi suất 20%/năm kể từ khi vay ngày 22/4/2021 âm lịch (tức là ngày 02/6/2021 dương lịch) cho đến hôm nay ngày 29/6/2023 dương lịch là 02 năm 27 ngày bằng 62.268.000 đồng, đối trừ số tiền bà Q, ông Th đã trả lãi là 37.000.000 đồng, còn lại 25.268.000 đồng.

Đối với khoản tiền 40.000.000 đồng, bà T tự nguyện tính lãi 10%/năm kể từ ngày kết thúc hụi là ngày 11/10/2022 âm lịch (tức là ngày 04/11/2022 dương lịch) cho đến hôm nay ngày 29/6/2023 dương lịch là 07 tháng 25 ngày với số tiền 2.604.000 đồng.

Đối với khoản tiền 52.000.000 đồng, bà T yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 04/11/2021 âm lịch (tức là ngày 07/12/2021 dương lịch) cho đến hôm nay ngày 29/6/2023 dương lịch là 01 năm 06 tháng 22 ngày với số tiền 8.110.000 đồng (làm tròn số).

Tổng cộng, bà Q, ông Th phải thanh toán cho bà T, ông H số tiền vốn và lãi là 277.982.000 đồng.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Bà Q, ông Th phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Đối với chị L: Mặc dù tại biên nhận ngày 04/11/2021 bà T xác định chị L có nhận trả nợ thay cho bà Q, ông Th. Tuy nhiên, chị L không có trả thay số tiền nợ nào và bà T cũng không yêu cầu chị L thanh toán nợ vay thay cho ông Th, bà Q. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị L không có liên quan đến khoản nợ của ông Th, bà Q với bà T, ông H.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

[8] Tại phiên tòa, bà T, ông H có mặt nên thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày tuyên án. Bà Q, ông Th, chị L vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Cẩm T, ông Trần Ngọc H về việc yêu cầu bà Trần Kim Q, ông Huỳnh Văn Th thanh toán tiền vay. Buộc bà Trần Kim Q, ông Huỳnh Văn Th có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Cẩm T, ông Trần Ngọc H số tiền vay còn nợ và tiền lãi là 277.982.000 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bà T, ông H có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp bà Q, ông Th chậm thanh toán khoản tiền nói trên thì bà Q, ông Th còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Q, ông Th phải chịu 13.899.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm chín mươi chín nghìn đồng, làm tròn số). Bà T, ông H được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí 6.050.000 đồng (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003209 ngày 05/12/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

4. Bà T, ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Q, ông Th, chị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm